TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN PHÚ NHUẬN** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 977/2017/DS-ST
Ngày: 28-9-2017
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Xuân Nam

2. Ông Huỳnh Đăng Nin

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Út – Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Anna Hiền – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 474/2017/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2017/QĐXX-DS ngày 24/8/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần T

Địa chỉ trụ sở: phố M, phường N, quận P, thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Văn Thị A là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 18/6/2017) (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Phạm Việt H (Vắng mặt)

Địa chỉ: đường X, phường Y, quận Z, Tp. Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10-5-2017, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần T (Sau đây viết tắt là Ngân hàng) và trong quá trình giải quyết vụ

án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đều trình bày:

Ngày 17 tháng 02 năm 2014, Ngân hàng có ký kết hợp đồng tín dụng số 20140215-500001-0020 cho ông Phạm Việt H (ông H) vay số tiền 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng) với lãi suất thỏa thuận 3.75%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông H có trách nhiệm thanh toán số tiền 119.490.000 đồng (gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng, 35 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 3.320.000 đồng, tháng cuối cùng trả 3.290.000 đồng. Thanh toán vào ngày 18 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 18/3/2014. Quá trình thực hiện hợp đồng ông H đã thanh toán cho Ngân hàng được 1 lần với số tiền đã trả là 3.320.000 đồng. Kể từ ngày 25/8/2014, ông H không thanh toán thêm bất cứ khoản nào cho tới nay dù Ngân hàng đã nhắc nhở, yêu cầu thanh toán. Ngân hàng khởi kiện và người đại diện hợp pháp của Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông H trả số tiền 116.170.000 đồng (trong đó nợ gốc là 65.000.000 đồng và lãi là 51.170.000 đồng). Ngân hàng không yêu cầu tính lãi từ ngày 18/02/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm. Yêu cầu trả một lần ngay khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến về việc giải quyết vụ án là đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Phạm Việt H đã được triệp tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H.

[2] Xét yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần T buộc ông H trả số tiền 116.170.000 đồng (trong đó nợ gốc là 65.000.000 đồng và lãi là 51.170.000 đồng)

Căn cứ hợp đồng tín dụng số 20140215-500001-0020 ngày 17/02/2014 giữa Ngân hàng và ông H thể hiện Ngân hàng cho ông H vay số tiền 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng) với lãi suất thỏa thuận 3.75%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Quá trình thực hiện hợp đồng ông H đã thanh toán cho Ngân hàng được 1 lần với số tiền đã trả là 3.320.000 đồng, sau đó ông H không thực hiện

trả nợ cho Ngân hàng nữa. Số tiền còn lại ông H phải trả theo hợp đồng là 116.170.000 đồng (trong đó nợ gốc là 65.000.000 đồng và lãi là 51.170.000 đồng). Hội đồng xét xử nhận thấy các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 và Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng của Thống đốc Ngân hàng nhà nước, do đó yêu cầu của Ngân hàng có căn cứ chấp nhận.

Ghi nhận ý kiến của Ngân hàng TMCP T không yêu cầu tính lãi kể từ ngày 18/02/2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Về án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 116.170.000 đồng, được chấp nhận toàn bộ, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự với mức thu là 5% (116.170.000 đồng) là 5.808.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTQH14;

1. Buộc ông Phạm Việt H trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T số tiền 116.170.000 đồng *(Một trăm mười sáu triệu một trăm bảy mươi ngàn đồng)* (trong đó nợ gốc là 65.000.000 đồng và lãi là 51.170.000 đồng).

Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này (Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Phạm Việt H phải nộp án phí 5.808.500 đồng (*Năm triệu tám trăm lẻ tám ngàn năm trăm đồng*).

+ Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 2.904.000 đồng theo biên lai thu số 8403 ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND Q.PN;
- CCTHADS Q.PN;
- TAND TP.HCM;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ngọc Trâm